**THÔNG TIN CHUNG VỀ SÁNG KIẾN**

**1**.Tên sáng kiến : **Biện pháp giúp học sinh lớp 1 đọc, viết tốt ở các mẫu trong môn Tiếng Việt công nghệ.**

**2**.Lĩnh vực áp dụng sáng kiến: Phần đọc và viết – Tiếng Việt lớp 1- trường Tiểu học Nguyễn Trãi.

**3.**Tác giả:

Họ và tên: **Nguyễn Thị Cúc** Nữ

Ngày tháng năm sinh: 24-12-1977

Trình độ chuyên môn: Đại học tiểu học.

Chức vụ, đơn vị công công tác: Giáo viên trường Tiểu học Nguyễn Trãi- Thành phố Hải Dương.

Điện thoại: 0983929125.

**4**.Đồng tác giả: Không

**5.**Chủ đầu tư tạo ra sáng kiến : Không.

**6**.Đơn vị áp dụng sáng kiến lần đầu:

Tên đơn vị: Trường Tiểu học Nguyễn Trãi.

Địa chỉ: 150B - Chi Lăng; Điện thoại: 02203 850 810.

**7.**Các điều kiện cần thiết để áp dụng sáng kiến: Không

**8.** Thời gian áp dụng sáng kiến lần đầu: Năm học 2017 - 2018.

**TÁC GIẢ XÁC NHẬN CỦA ĐƠN VỊ**

**ÁP DỤNG SÁNG KIẾN**

**Nguyễn Thị Cúc**

**TÓM TẮT SÁNG KIẾN**

**1. Hoàn cảnh nảy sinh sáng kiến:**

- GV gặp khó khăn với phương pháp mới, nhận thức của học sinh không đồng đều. Khi chưa hiểu hết nội dung chương trình môn Tiếng Việt công nghệ giáo dục lớp 1, giáo viên chưa có cái nhìn tổng quan về chương trình. Nhiều giáo viên thấy chương trình khá là khó và dài đối với giáo viên (GV) khi dạy và học sinh khi học.

-Trong quá trình dạy học môn Tiếng Việt công nghệ và nghiên cứu tài liệu tôi đã có cái nhìn tổng quan hơn về chương trình và thấy được trong chương trình có 5 mẫu và đặc biệt thấy được mối quan hệ giữa các mẫu để dạy HS một cách dễ hiểu hơn.

- Trong quá trình dạy học các môn học nói chung và môn Tiếng Việt nói riêng giáo viên thường tổ chức các hoạt động nhằm phát huy tính sáng tạo của học sinh(HS) trong mỗi tiết học.

**2. Đối tượng áp dụng sáng kiến:** Giáo viên dạy lớp 1 các trường Tiểu học.

**3. Nội dung sáng kiến.**

- Dạy các mẫu trong chương trình môn Tiếng Việt – CGD, chú ý ở mẫu 1- ba, cả ở phần đọc và phần viết để học tốt được các mẫu khác : Biết ghép phụ âm với nguyên âm tạo thành tiếng. Sau đó thêm thanh để được tiếng mới. Biết phân tích tiếng thanh ngang làm 2 phần: phần đầu và phần vần; phân tích tiếng có dấu thanh thành tiếng thanh ngang và dấu thanh(cơ chế tách đôi).

- Nắm chắc cấu tạo của tiếng gồm 3 bộ phận cấu thành: Thanh, âm đầu, vầnCách để giúp HS lớp 1 khi phát âm nhận diện ngay được âm đó là nguyên âm hay phụ âm:

+ Âm nào khi phát âm luồng hơi đi ra tự do và kéo dài đến ….hết hơi nghe vẫn rõ là âm đó, thì âm đó là nguyên âm.Ví dụ: a, e, u, o, ô, ơ….

+ Âm nào khi phát âm mà ta kéo dài nghe thành: “ờ”, thì âm đó là phụ âm.

l, m,b, t, th,d, đ, kh,...

- Vẽ mô hình cấu trúc ngữ âm của Tiếng .

- Nắm được cách tạo vần mới:

Cách 1:

+ Làm tròn môi – Làm tròn môi 1 âm ( Mẫu oa).

+ Làm tròn môi vần – Mẫu 4 : oan.

Cách 2 : Thay âm (Mẫu ba, Mẫu an).

- Nắm chắc cơ chế đánh vần.

- Dạy kĩ mối quan hệ giữa các vần,để HS biết cách tạo ra vần mới (từ mối quan

hệ giữa các vần với nhau). Từ đó, HS biết cách đọc, viết các vần mới.(Giúp HS học một biết mười).

- Cách viết chính tả.

- Dạy luật chính tả.

- Sử dụng các phương pháp và hình thức tổ chức phát huy tính tích cực của HS.

**\* Điểm mới là:**

- GV dạy kĩ phần âm (mẫu 1), biết cách giúp HS phân biệt nguyên âm, phụ âm.

- Cho HS hiểu mối quan hệ giữa các vần để tự HS thiết lập được các vần, giúp các em đọc viết tốt hơn.

- Giúp GV hiểu hơn về chương trình Tiếng Việt công nghệ lớp 1.

**\*Ý nghĩa cơ bản của sáng kiến:**

- Giúp GV xâu chuỗi chương trình Tiếng Việt công nghệ lớp 1, thấy được móc xích trong chương trình, đặc biệt nắm được mối quan hệ của các vần khi dạy các mẫu để giúp học sinh đọc viết được tốt hơn.

- Phát huy tối đa tính tích cực học tập của học sinh.

- Hiểu một số giải thích về môn Tiếng Việt lớp 1 Công nghệ giáo dục để dạy học sinh được tốt hơn. GV khi nghe nói đến chương trình Tiếng Việt lớp 1 Công nghệ giáo dục không cảm thấy …“ngại”, mà biết cần phải làm những gì, vì sao cần như vậy để thực hiện tốt được chương trình Tiếng Việt 1 Công nghệ giáo dục.

**MÔ TẢ SÁNG KIẾN**

**1. Hoàn cảnh nảy sinh sáng kiến**

- GV gặp khó khăn với phương pháp mới, nhận thức của học sinh không đồng đều. Khi chưa hiểu hết nội dung chương trình môn Tiếng Việt công nghệ giáo dục lớp 1, giáo viên chưa có cái nhìn tổng quan về chương trình. Nhiều giáo viên thấy chương trình khá là khó và dài đối với giáo viên (GV) khi dạy và học sinh khi học.

-Trong quá trình dạy học môn Tiếng Việt công nghệ và nghiên cứu tài liệu tôi đã có cái nhìn tổng quan hơn về chương trình và thấy được trong chương trình có 5 mẫu và đặc biệt thấy được mối quan hệ giữa các mẫu để dạy HS một cách dễ hiểu hơn.

- Trong quá trình dạy học các môn học nói chung và môn Tiếng Việt nói riêng giáo viên thường tổ chức các hoạt động nhằm phát huy tính sáng tạo của học sinh(HS) trong mỗi tiết học.

Từ những lí do trên nên tôi chọn chuyên đề : ***“Biện pháp giúp học sinh lớp 1 đọc, viết tốt ở các mẫu trong môn Tiếng Việt công nghệ”.***

**2. Cơ sở lí luận của vấn đề**

Trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước rất cần những người công dân có kiến thức cho xã hội. Để đáp ứng được nhu cầu cần thiết cho xã hội, mỗi chúng ta những người làm công tác giáo dục đều phải suy nghĩ là làm sao để nâng cao được chất lượng dạy học nhằm đáp ứng được yêu cầu và mục tiêu giáo dục của thời đại. Trong các môn học thì môn Tiếng Việt lớp 1 chiếm một vị trí vô cùng quan trọng trong bậc Tiểu học. Tiếng Việt dạy cho các em những kiến thức cơ bản về tự nhiên, xã hội… Tiếng Việt còn là phương tiện giao tiếp giúp cho học sinh nắm vững tiếng mẹ đẻ và tiến đến để học tốt các môn học khác.

Theo đánh giá của Bộ GD- ĐT, việc học Tiếng Việt 1 – CGD không chỉ giúp HS nắm chắc tri thức cơ bản về tiếng Việt và hình thành đồng thời các kĩ năng nghe - nói - đọc - viết một cách vững chắc, HS luôn được tham gia các hoạt động học tập một cách chủ động, tự tin; được phát huy khả năng tư duy và năng lực tối ưu của mình. Đồng thời quá trình dạy học theo phương pháp Công nghệ giáo dục không chỉ giúp GV nâng cao trình độ và năng lực nghiệp vụ sư phạm mà cách tổ chức dạy học theo quy trình công nghệ giúp GV đổi mới phương pháp một cách triệt để.

**Bản chất việc dạy Tiếng Việt lớp 1- CGD cho học sinh là dạy cho học sinh hệ thống khái niệm của một môn khoa học nhằm giúp các em chiếm lĩnh được tri thức ngữ âm cơ bản và hình thành các kĩ năng Nghe- Nói- Đọc- Viết tương ứng**. Lần đầu tiên học sinh biết tiếng là một khối âm thanh toàn vẹn như một “khối liền” được tách ra từ lời nói. Tiếp đó, bằng phát âm, các em biết tiếng giống nhau và tiếng khác nhau hoàn toàn. Sau đó, các em phân biệt các tiếng khác nhau một phần. Đến đây, tiếng được phân tích thành các bộ phận cấu thành: phần đầu, phần vần, thanh. Trên cơ sở đó, các em biết đánh vần một tiếng theo cơ chế hai bước. Học sinh học cách phân tích tiếng tới đơn vị ngữ  âm nhỏ nhất, đó là âm vị (gọi tắt là âm). Qua phát âm, các em phân biệt được phụ âm, nguyên âm, xuất hiện theo thứ tự của bảng chữ cái TiếngViệt. Khi nắm được bản chất mỗi âm, các em dùng kí hiệu để ghi lại. Như vậy, con đường chiếm lĩnh đối tượng của CGD đi từ âm đến chữ.

Những quan điểm giáo dục : “Trong nhà trường, trẻ em là nhân vật trung tâm, thầy giáo là nhân vật quyết định”, “Nhà trường là nơi trẻ em đang sống cuộc sống thực của chính mình”, “Thầy thiết kế, trò thi công”…

Vậy Công nghệ giáo dục là gì ? Công nghệ giáo dục không phải là Công nghệ thông tin trong giáo dục. Công nghệ thông tin được sử dụng như các phương tiện trong giáo dục và Công nghệ giáo dục tận dụng tối đa những phương tiện này. Công nghệ giáo dục là thiết kế được những việc làm giáo dục để học sinh tự mình làm ra sản phẩm học tập cho chính mình.Tiết học vần có giáo viên, nhưng không phải để giảng bài mà để hướng dẫn các em cách tự học.

**3. Thực trạng của vấn đề**

**3.1. Chương trình Tiếng Việt 1 – CGD – phần Vần**

**3.1.1. Các kiểu vần**

\* Nội dung :

Gồm 4 kiểu vần :

*-* Vần chỉ có âm chính - mẫu BA ( các bài trong quyển tập 1)

- Vần có âm đệm và âm chính - mẫu OA ( 5 vần )

- Vần có âm chính và âm cuối - mẫu AN ( 150 vần )

- Vần có đủ âm đệm,âm chính và âm cuối - mẫu OAN ( dùng tổng kết toàn bộ các mẫu đã học ).

- Sách giáo khoa :

- Sách giáo khoa tập 1 là các bài thuộc mẫu 1( mẫu: ba), tập 2 bắt đầu từ vần có âm đệm / oa / , tiếp theo là vần có âm cuối, mẫu / an /.Tổng hợp lại vần có đủ âm đệm, âm chính, âm cuối : Mẫu /oan /.

+ Trang chẵn : 100% HS hoàn thành.

+ Trang lẻ : Phân hóa

**3.1.2. Mục tiêu chương trình Tiếng Việt lớp 1- CGD**

Học xong chương trình Tiếng Việt lớp 1- CGD học sinh đạt được các mục đích sau:

- Học sinh đọc thông, viết thạo, không tái mù.

- Học sinh nắm chắc luật chính tả.

- Học sinh nắm chắc hệ thống cấu trúc ngữ âm Tiếng Việt.

**3.1.3. Đối tượng chương trình Tiếng Việt lớp 1- CGD**

Đối tượng của môn Tiếng Việt lớp1- CGD chính là cấu trúc ngữ âm của tiếng Việt bao gồm : - Tiếng

* Âm và chữ
* Vần

**3.1.4. Nội dung chương trình Tiếng Việt lớp 1- CGD ( gồm 4 bài)**

- Bài 1: Tiếng

- Bài 2: Âm

- Bài 3: Vần

- Bài 4: Nguyên âm đôi

**3.1.5. Phương pháp dạy chương trình Tiếng Việt lớp 1- CGD**

- Phương pháp mẫu:

+ Lập mẫu, sử dụng mẫu.

+ Tổ chức học sinh làm theo mẫu đã có.

- Phương pháp làm việc:

- Tổ chức việc học HS thông qua những việc làm cụ thể và những thao tác chuẩn xác do các em tự làm lấy.

**3.2. Thuận lợi và khó khăn của GV và HS khi dạy và học chương trình.**

**3.2.1.Thuận lợi**

3.2.1.1. Giáo viên

- Dạy học theo chương trình Tiếng Việt CGD, giáo viên phát huy được tính tích cực của học sinh (HS), HS nắm được cách phân tích cấu trúc ngữ âm, xác định được một âm trong một tiếng như: âm đầu, âm đệm, âm chính, âm cuối.

- GV không phải soạn bài, có thời gian để quan tâm đến HS nhiều hơn, nghiên cứu tài liệu để nắm được quy trình dạy, cách tổ chức thực hiện lên lớp.

3.2.1.2. Học sinh

- HS rất hứng thú với chương trình, các em nghe và hiểu được hiệu lệnh, hiểu được lời nói của GV.

- HS nắm chắc được về ngữ âm, luật chính tả.

**3.2.2.Khó khăn**

3.2.2.1. Giáo viên

- Cái khó của chương trình đòi hỏi GV phải có kiến thức sâu, không dạy chữ trước mà dạy âm trước.

- Còn sự tác động khác là tâm lí của phụ huynh cũng rất hoang mang khi những tháng đầu kết quả học tập của con em chưa đạt trình như chương trình cũ.

3.2.2.2. Học sinh

- Trong quá trình học HS phải phân biệt, phải nhớ nhiều mẫu bài, dạng bài, luật chính tả, biết tiếng có âm đầu, tiếng có âm đệm, tiếng có âm chính, tiếng có âm cuối.

- Những bài đầu tiên, nhiều HS chưa nhớ hết mặt chữ cái nhưng đã phải viết chính tả từ sớm. Mới học hết tuần 6, HS đã phải đọc những bài dài tới 50 tiếng.

**4. Các giải pháp, biện pháp thực hiện**

**4.1. Tạo môi trường giao tiếp cho các em thông qua các hoạt động học tập phát triển vốn từ**

- HS từ trường mầm non bước vào lớp 1, các em còn bỡ ngỡ, chưa mạnh dạn. Thông qua việc học tuần 0 sẽ giúp các em làm quen với thầy cô, cũng như các bạn trong lớp.Từ đó phát triển vốn từ và khả năng giao tiếp một cách tự nhiên ở các em, giúp các em tự tin hơn trong giao tiếp, cũng như khi nhận và hoàn thành nhiệm vụ.

- Ở tuần 0, GV giúp các em làm quen với các đồ dùng hoc tập, tư thế viết bảng con, xóa bảng, cách cầm bút viết, sách giáo khoa…Tuy đó là những điều đơn giản, nhưng các em cần nắm được những điều đó, thì khi GV giao việc HS sẽ thực hiện được tốt.

**4.2. Các thủ thuật ghi nhớ âm, vần trong Tiếng Việt lớp 1- CGD**

**\* Về âm**

- GV phải phát âm chuẩn, rõ ràng. Quan tâm nhiều đến các em phát âm chưa đúng, giúp các em sửa chữa, nắm chắc các âm đó.

- Cần nắm được đó là nguyên âm hay phụ âm ( thông qua việc phát âm), để đưa vào mô hình phân tích tiếng cho đúng.

+ Âm nào khi phát âm luồng hơi đi ra tự do và kéo dài đến ….hết hơi nghe vẫn rõ là âm đó, thì âm đó là nguyên âm.Ví dụ: a, e, u, o, ô, ơ….

+ Âm nào khi phát âm mà ta kéo dài ra nghe thành: “ờ”, thì âm đó là phụ âm.

l, m, b, t, th, d, đ, kh…

**\*Về Vần**

- Để học tốt phần vần của Tiếng Việt lớp 1 – CGD, trước hết các em cần nắm chắc các âm đã học.

- Phải nắm chắc việc phân tích tiếng, vị trí các âm trong mô hình. Nắm được đối tượng chiếm lĩnh là ngữ âm, cấu trúc ngữ âm của tiếng.

- Khi dạy phát âm mỗi vần: GV phát âm mẫu - lần lượt HS phát âm vần đó, sau đó GV cần mô tả cách phát âm như: Nêu rõ vị trí đặt lưỡi, vị trí của lưỡi với răng, độ mở của môi…Như vậy HS sẽ rất nhớ cách phát âm vần đó.

**4.3. Dạy mẫu âm trong chương trình môn Tiếng Việt - CGD**

Để dạy tốt mẫu Âm trong chương trình môn Tiếng Việt lớp 1- CGD giáo viên cần phải nghiên cứu kĩ mục đích, yêu cầu, nội dung và phương pháp dạy học của chương trình Tiếng Việt 1- CGD nói chung cũng như mục đích yêu cầu, nội dung, phương pháp dạy học của từng bài dạy, đặc biệt là thực hiện đúng theo quy trình của thiết kế Tiếng Việt lớp 1- CGD.

**4.3.1. Mục tiêu**

- HS nắm chắc 37 âm vị của Tiếng Việt cũng như cách viết của các âm vị này.

- Biết phân biệt nguyên âm, phụ âm qua phát âm dựa vào luồng hơi bị cản hay luồng hơi đi ra tự do.

- Biết ghép phụ âm với nguyên âm tạo thành tiếng. Sau đó thêm thanh để được tiếng mới.

- Biết phân tích tiếng thanh ngang làm 2 phần: phần đầu và phần vần; phân tích tiếng có dấu thanh thành tiếng thanh ngang và dấu thanh(cơ chế tách đôi).

- Đọc trơn, rõ ràng đoạn văn có độ dài 20 tiếng. Tốc độ đọc tối thiểu là 10 tiếng/phút.

- Nghe viết được tất cả các tiếng có vần chỉ có âm chính. Viết đúng kiểu chữ thường cỡ vừa. Tốc độ tối thiểu là 3 phút/ tiếng.

- Nắm chắc cấu tạo của tiếng gồm 3 bộ phận cấu thành: Thanh, âm đầu, vần(chỉ có âm chính).

- Nắm chắc luật chính tả e, ê, i.

**4.3.2. Quy trình: Bài Âm ( gồm 2 công đoạn)**

**4.3.2.1 Công đoạn 1 :** Lập mẫu (Mẫu /ba/ - Phân biệt nguyên âm/phụ âm)

- Mục đích yêu cầu: Làm theo đúng quy trình 4 việc, thực thi chuẩn xác từng thao tác, làm ra sản phẩm chuẩn xác, xứng đáng là mẫu chuẩn mực cho tất cả các tiết học của bài.

**4.3.2.2. Công đoạn 2:** Dùng mẫu (Áp dụng cho tất cả các bài còn lại của mẫu Âm).Quy trình giống tiết lập mẫu, tuy nhiên cần chú ý:

Mục đích của tiết dùng mẫu là:

- Vận dụng quy trình từ tiết lập mẫu.

- Luyện tập với vật liệu khác trên cùng một chất liệu với tiết lập mẫu.

+ Yêu cầu giáo viên trong tiết dùng mẫu:

- Nắm chắc quy trình từ tiết lập mẫu.

- Chủ động linh hoạt trong quá trình tổ chức tiết học sao cho phù hợp với học sinh lớp mình.

**4.4. Vẽ mô hình cấu trúc ngữ âm của Tiếng**

- Bước đầu tiên và cần làm thật chắc là hướng dẫn HS vẽ được, vẽ đúng mô hình tiếng nguyên.

|  |
| --- |
|  |

-Tiếp theo là yêu cầu tách mô hình ra hai phần: hướng dẫn HS nắm chắc tiếng bao giờ cũng gồm 3 phần ( phần đầu, phần vần và thanh điệu). HS có thể chỉ vào mô hình, đánh vần, phân tích tiếng. Có thể thay phần đầu và thanh, phần đầu bao giờ cũng là các phụ âm ( dựa vào cách phát âm). Phát hiện được tiếng giống nhau toàn phần hoặc tiếng có một phần khác nhau... vv...

- Khi dạy tới các kiểu vần, cần hướng dẫn HS cách vẽ thêm vị trí cho từng âm theo các kiểu vần, đưa âm vào đúng vị trí, kĩ năng đọc mô hình xác định ngay đó là kiểu vần gì...

+ Thêm hai vạch dọc ngăn cách hai phần của tiếng.

+ Thêm vạch dọc chia phần vần trong mô hình thành hai ô.

+ Thêm vạch dọc để có vị trí cho âm cuối.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |

âm đầu âm chính

âm đệm âm cuối

**4.5. Nắm được cách tạo vần mới**

***Cách 1:***

- Làm tròn môi âm các nguyên âm không tròn môi ( Mẫu oa)

- Làm tròn môi vần ( Mẫu 4 : oan – oat).

\* Làm tròn môi là một đặc trưng của cách phát âm Tiếng Việt công nghệ.

***Cách 2:***

- Thay âm ( Mẫu ba , Mẫu an)

**4.6. Dạy mẫu 2: Vần có âm đệm và âm chính**

- Cho HS nêu các nguyên âm đã học. Chọn ra các nguyên âm tròn môi( o, ô, u).

HS nhận xét độ mở tròn môi :

+ Độ mở tròn môi hẹp dần(nhỏ dần) : /o/ - độ mở rộng nhất. /u/ - độ mở hẹp nhất.

- Bằng cách phát âm, biến âm không tròn môi thành vần tròn môi.

Mẫu: /a/ /oa/.

- HS sẽ lần lượt phát âm :

/e / /oe/.

/ê / /uê /.

/i / /uy/.

/ơ / /ươ/.

- Không thể làm tròn môi /ư/.

- Ta đã biến âm /a/ không tròn môi thành vần tròn môi / oa/ . Theo cách đó , ta cũng làm tròn môi các âm: /e/, /ê/,/i/,/ơ/.

- Giới thiệu vần có âm đệm và âm chính. Mẫu 2 : oa . Thực hiện công đoạn lập mẫu và dùng mẫu theo quy trình 4 việc như sách thiết kế.

**4.7. Nắm chắc cơ chế đánh vần**

+ Các em còn nhầm lẫn với cách đánh vần ở mẫu giáo hoặc do ảnh hưởng của phụ huynh. Vì vậy cần giúp các em nắm chắc cơ chế đánh vần với các bước :

Bước 1 : Tạm thời tách thanh ra để lại tiếng thanh ngang

Bước 2 : Đọc tiếng thanh ngang

          Bước 3 : Trả lại thanh

Đối với HS chậm, nếu các em không đọc được, cần chia nhỏ ra nữa. Ví dụ : Tiếng “bà” :

+ Cho các em phân tích : / bà / - / ba / - / huyền / - / bà /.

+ Nếu vẫn chưa đọc được, cho HS phân tích tiếng / ba / : / bờ / - / a / - / ba /.

+ Nếu HS vẫn chưa đọc được, GV gợi nhớ lại các nét cơ bản tạo nên / b /, / a/.

\* Dùng cơ chế “phân đôi” để phân tích tiếng. Nắm được cơ chế đó, các em sẽ đọc được dù bất kể tiếng nào.

**4.8. Dạy vần có âm chính và âm cuối ( Mẫu 3: an)**

- Ngoài việc dạy kĩ ở bài lập mẫu để HS nắm được mô hình của tiếng có âm đầu, âm chính và âm cuối. Ở mẫu an này, vần chỉ có âm chính và âm cuối, không có âm đệm nên ta bỏ trống ô ấy. Mỗi lần dùng mẫu an để học vần mới, ta chỉ thay một thành phần: giữ lại âm chính thì thay âm cuối, giữ lại âm cuối thì thay âm chính.Với một âm chính /a/, thêm các âm cuối thì có nhiều cặp vần:

an / at, am / ap, ang / ac, anh / ach, ai / ay, ao / au.

- Các bài vần ở mẫu 3 này, vần được sắp xếp theo :Vần có âm cuối n/ t, m/ p, ng/ nh/ ch, i/y, o/ u. Khi dạy, GV thật chú ý : Cho HS thay âm để được vần mới và cách đọc vần đó. Ví dụ: Khi phát âm vần “am” thì miệng, hai môi như thế nào để bật ra thành vần, khi đọc các vần có âm cuối t, để đọc ra thành vần lưỡi cần đặt ở dưới chân răng hàm trên…

- Khi viết vần hoặc tiếng chứa vần thuộc mẫu 3 trên cơ sở HS đã biết viết đúng các âm đã học. GV chú ý nét nối giữa các chữ cái để viết đúng vần.

**4.9. Dạy vần có âm đệm, âm chính và âm cuối ( Mẫu 4: oan)**

- Khi dạy xong mẫu 3: an, GV yêu cầu HS bằng cách phát âm hãy làm tròn môi các vần có âm cuối. GV viết bảng các vần có âm chính và âm cuối. HS căn cứ vào đó mà phát âm, làm tròn môi các vần có âm cuối.

an - oan, at – oat, am – oam, ap – oap, ang – oang, ac – oac, anh – oanh,

ach – oach, ai – oai, ay – oay, ao – oao, au – oau.

- Vậy là bằng cách làm tròn môi vần, tự HS đã lập ra các vần thuộc mẫu 4 : oan. Dựa vào cách lập ra vần yêu cầu HS tìm cách đánh vần:

(1) oan /oa/ - / n / - / oan /

(2) oan /o/ - /an / - / oan /.

- GV hướng dẫn HS chọn cách 2 để đánh vần.

- Viết vần, từ chứa vần thuộc mẫu 4 cũng đơn giản vì từ chữ ghi âm đệm nối sang chữ ghi âm chính các em đã biết viết ở vần thuộc mẫu 2 : oa, từ chữ ghi âm chính nối sang âm cuối HS đã biết viết ở mẫu 3 : an.

**4.10. Dạy kĩ mối quan hệ giữa các vần**

- Sau khi HS học xong mẫu 4 : oan ( Vần có đủ âm đệm, âm chính, âm cuối) Cho HS so sánh các vần đã học, xét về cấu trúc ngữ âm :

- HS sẽ vẽ mô hình các vần đã học :

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  | a |  |  | 3. |  |  | a | n |

**1.**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | o | a |  |  | 4. |  | o | a | n |

**2.**

– HS chỉ vào từng mô hình nói :

+ Mô hình 1 : Vần chỉ có âm chính.

+ Mô hình 2 : Vần có âm đệm và âm chính.

+ Mô hình 3 : Vần có âm chính và âm cuối.

+ Mô hình 4 : Vần có âm đệm, âm chính, âm cuối.

- GV hỏi: Từ mô hình 1 sang mô hình 2, làm thế nào ?

- Từ mô hình 1 sang mô hình 2 : Làm tròn môi âm chính / a /.

- Từ mô hình 1 sang mô hình 3, làm thế nào ?

- Từ mô hình 1 sang mô hình 3 : Thêm âm cuối vào âm chính / a /.

- Từ mô hình 3 sang mô hình 4, làm thế nào ?

- Từ mô hình 3 sang mô hình 4 : Làm tròn môi vần /an/.

\* GV dạy kĩ được mối quan hệ giữa các vần giúp HS tự thiết lập được ra các mẫu vần sẽ giúp các em nhớ lâu, nhớ kĩ các vần đó. Chính các em tạo ra vần, rồi tự phân tích vần đó. Ví dụ: Sau khi học xong bài thiết lập mẫu: Vần / oan /,

/ oat/, HS biết được là làm tròn môi vần / an / được vần / oan /, làm tròn môi vần / at / được vần / oat /. Vậy HS sẽ tự lập ra một loạt các vần tương tự ( oang, oac, oanh, oach, oai …). Điều này sẽ giúp các em đọc, viết được tốt hơn.

**4.11. Cách viết chính tả**

- HS thường viết sai chính tả do các em có vốn từ ít và chưa nhớ hết các chữ cái. Cần cho các em nắm chắc các nét cơ bản ( tuần 0), từ đó các em sẽ nhớ cấu tạo các âm tạo thành chữ, chữ tạo thành tiếng…Khi hướng dẫn viết các nét cơ bản cần cho HS xác định chấm điểm tọa độ,đường kẻ li. Khi viết chính tả, HS cần làm 4 thao tác theo trật tự :

+ Nhắc lại tiếng.

+ Phân tích tiếng.

+ Viết ( theo luật chính tả).

+ Đọc lại

Ví dụ : Bài 2 : Âm( Phụ âm, nguyên âm) của tuần 2, các em bắt đầu viết chính tả. Từ việc nắm vững các nét cơ bản ( tuần 0 ), biết con chữ b viết thường gồm một nét khuyết trên kết hợp với nét móc ngược và 1 nét xoắn; con chữ a viết thường gồm 1 nét cong kín và một nét móc ngược. Nắm được điều đó, các em sẽ viết tốt chính tả của bài này.

- Rèn kĩ năng viết cho HS cần theo 4 mức độ : 1.Viết được ( viết ra chữ ),

2.Viết đúng ( đúng kiểu, đúng cỡ ), 3. Viết đẹp , 4. Viết nhanh (không vội đưa ra yêu cầu viết nhanh. Quan trọng là viết đúng : Viết đúng con chữ, đúng kiểu chữ, viết đúng chính tả.

**4.12.** **Dạy luật chính tả**

- Cùng với cấu trúc ngữ âm Tiếng Việt, luật chính tả là một thành phần không

thể tách rời của Tiếng Việt 1- CGD. Nội dung luật chính tả Tiếng Việt 1. CGD:

- Luật chính tả viết hoa.

- Luật chính tả, e, ê, i.

***Luật chính tả ghi âm đệm***   
- Âm /cờ/ trước âm đệm ghi bằng chữ q, âm đệm ghi bằng chữ u.

Ví dụ: quả, que, quê...  
- Âm /i/ đứng sau âm đệm viết bằng chữ y.

Ví dụ: quý, luỹ...

***Luật chính tả nguyên âm đôi.***

*Quy tắc chính tả Nguyên âm đôi /* ***iê /****:*

+ Khi vần không có âm cuối thì viết là : ia ( mía, chia…)

+ Khi vần có âm cuối thì viết là : iê ( tiến, biển).

+ Vần có âm đệm, không có âm cuối thì viết là : ya (khuya)

+ Vần có âm đệm, có âm cuối hoặc không có âm đầu, có âm cuối thì viết là: yê (tuyên, yến)

*Quy tắc chính tả Nguyên âm đôi /* ***uô /****:*

+ Nếu vần không có âm cuối thì nguyên âm / uô/ viết là : ua ( mua, vua…)

+ Nếu vần có âm cuối thì viết là : uô ( muốn, chuột….)

*Quy tắc chính tả Nguyên âm đôi /* ***ươ /****:*

+ Theo luật chính tả, âm / ươ/ trong vần có âm cuối viết là : ươ ( mượn …) ; ở vần không có âm cuối viết là : ưa ( trưa, cửa …)

***Luật chính tả phiên âm tiếng nước ngoài.***

***Luật chính tả ghi dấu thanh***

***-*** Những vần có âm cuối là âm t, âm c và âm p... thì chỉ có thể kết hợp được với 2 dấu thanh là thanh sắc và thanh nặng.

VD: bắt, bặt; bắc, chặc; cắp, lặp,... - Dấu thanh luôn đặt ở âm chính (với nguyên âm đôi có luật riêng).  
 ***Luật chính tả theo nghĩa***

- Ở các vùng miền trên đất nước ta, có khác biệt ít nhiều về âm khi nói thì phải dùng chữ để ghi đúng nghĩa muốn nói

- Âm đầu:

+ tr/ch: tre/che + gi/d/r: gia/da/ra

+ s/x: su/ xu + l/n: lo/no

+ d/v: dô/vô

- Âm cuối:

+ n/ng: tan/ tang + t/c: mắt/mắc

- Dấu thanh: hỏi/ngã: nghỉ/nghĩ

- Các tiếng có âm cuối là t, c, ch, p chỉ kết hợp được với 2 thanh ( thanh sắc và thanh nặng)  
 - Các tiếng có âm cuối là m, n, ng, nh, o, u, i/y kết hợp được với 6 thanh.

**\* Cần giúp HS nắm chắc các luật chính tả. Học tới đâu cho HS nhắc lại tới đó, nhằm khắc sâu kiến thức; có như vậy các em sẽ viết đúng chính tả.**

Để dạy tốt môn Tiếng Việt 1 – CGD phần Luật chính tả, giáo viên cần vận dụng phù hợp các hình thức tổ chức dạy học trong từng tiết học một cách hiệu quả. Đồng thời sử dụng một số phương pháp dạy học như : Phương pháp làm mẫu, phương pháp phân tích mẫu, phương pháp hỏi đáp, phương pháp trực quan… kết hợp với nhiều hình thức dạy học như: Học theo lớp, nhóm, cá nhân.

- GV luôn yêu cầu HS thực hành và rèn luyện kĩ năng đọc, viết, lưu ý trang bị cho HS kiến thức từ thấp đến cao.

5.12.1. Cách dạy Luật chính tả của TV 1. CGD

- Gặp đâu dạy đó.

- Dạy đâu chắc đó.

- Dạy Luật chính tả đi liền với dạy cấu trúc ngữ âm của Tiếng.

\* Quy trình dạy học các bài Luật chính tả của TV1- CGD. Thống nhất quy trình 4 việc :

Việc 1: Chiếm lĩnh ngữ âm

Việc 2: Viết(học viết chữ ghi âm).

Việc 3: Đọc(đọc bảng, đọc sách)

Việc 4: Viết chính tả

- Gặp tình huống chính tả ở đâu GV cần giúp HS xử lí triệt để ở đấy để làm rõ mối quan hệ âm và chữ.

- Lưu ý HS một số trường hợp đặc biệt.

- Liên tục nhắc lại luật chính tả cho HS khi đọc và viết chứa luật.

5.12.2. Bảng ghi nhớ về Luật chính tả được đặt ở gần bảng lớp để hàng ngày nhắc nhở các em.

Ví dụ : e

k ê

i

**4.13. Sử dụng các phương pháp và hình thức tổ chức phát huy tính tích cực của HS.**

Làm cho lớp học sôi nổi, học sinh thoải mái trong học tập là tạo ra những trò chơi học tập đồng thời củng cố kĩ năng. Ví dụ ở bước thay âm đầu hoặc thêm thanh vào tiếng ở việc 2 của mỗi bài học, GV tổ chức thành các trò chơi : “Bắn tên” hoặc “Chèo thuyền” để HS tìm tiếng mới, sẽ giúp các em hứng thú học tập hơn.

- Luôn quan tâm chú ý đến những HS tiếp thu chậm.

**4.14. Quy trình:** ( theo quy trình 4 việc)

**Việc 1: Chiếm lĩnh ngữ âm**

1a. Giới thiệu tiếng mới, phát âm/Nhắc lại vần vừa học, thay một thành phần.

1b. Phân tích tiếng/vần

1c. Vẽ mô hình.

**Việc 2: Viết.**

2a. Viết bảng con.

2b. Viết vở *Em tập viết.*

**Việc 3: Đọc.**

3a. Đọc chữ trên bảng lớp.

3b. Đọc sách Tiếng Việt - CGD lớp 1.

**Việc 4: Viết chính tả.**

4a. Viết các tiếng khó vào bảng con.

4b. Viết vào vở chính tả.

4c. Thu vở, chữa, nhận xét để HS rút kinh nghiệm.

\* **Đặc biệt đối với những GV lần đầu tiên dạy chương trình Tiếng Việt**- CGD lớp 1 thì cảm thấy “ngại ” và thấy rất khó khăn với cả GV và HS, nhiều chỗ còn thắc mắc là tại sao nội dung chương trình lại như vậy. Nhưng sau khi đọc: Một số giải thích về môn Tiếng Việt lớp 1 – CGD thì sẽ hiểu được bản chất của chương trình hơn, và thấy rõ được các việc lần lượt cần phải dạy ở từng bài cho HS như thế nào:

1. Đối tượng chiếm lĩnh của môn Tiếng Việt lớp 1 là cấu trúc ngữ âm của Tiếng, chưa vội vàng quan tâm đến nghĩa.

2. Tại sao không gọi học Tiếng Việt là học chữ Việt là vì nguồn gốc của tiếng Việt là Tiếng, không phải là chữ. Tiếng là VẬT THẬT, còn Chữ chỉ là một VẬT THAY THẾ. Và đối tượng lĩnh hội của môn Tiếng Việt 1 CGD là Tiếng, cụ thể là Cấu trúc ngữ âm của Tiếng. Chữ Việt là sản phẩm phải được hình thành, làm ra khi học Tiếng Việt.

3. Phương pháp chiếm lĩnh Tiếng Việt lớp Một : Phương pháp làm việc trí óc.

Việc 1: Chiếm lĩnh đối tượng

Chữ Việt là chữ ghi âm, nghe thế nào, viết thế ấy. Cách chiếm lĩnh đối tượng là phân giải Tiếng ( phân tích, đập vỡ, tách ra…) thành các đơn vị nhỏ nhất là âm vị. Mỗi âm vị ghi bằng một chữ cái.

Việc 2 : Viết

Về nguyên tắc, mỗi âm vị thay bằng một chữ cái, nhưng trong thực tiễn, quan hệ âm / chữ không đơn giản như vậy. Mỗi âm vị có thể ghi bằng 1, 2, 3, 4 chữ cái. Quy ước này đã có từ lâu, ta nên vui vẻ tuân theo. Ví dụ :

- Một âm / a/ tương ứng với một chữ cái : a.

- Một âm / gờ / tương ứng với 2 chữ cái : g , gh.

- Một âm / cờ / tương ứng với 3 chữ cái : c , k, q.

- Một âm / iê / tương ứng với 4 chữ cái : iê , yê, ia, ya.

Toàn bộ hàng ngàn vạn Tiếng Việt chỉ có một số hữu hạn các âm vị. Tiếng Việt có 37 âm vị, được ghi thành 47 chữ cái :

+ 14 nguyên âm, ghi bằng 20 chữ cái : a, ă, â, e, ê, i (y), o, ô, ơ, u, ư, iê ( yê, ia, ya), uô ( ua), ươ ( ưa) .

+ 23 phụ âm, ghi bằn 27 chữ cái : b, c ( k, q ), ch, d, đ, g (gh), .gi, h, kh,l, m, n, ng(ngh), nh, p, ph, r, s, t, th, tr, v, x .

Việc 3 : Đọc.

Đọc là thao tác “ngược” với thao tác viết : từ chữ trở về âm.

- Đọc trơn chữ ghi tiếng thanh ngang là cơ sở để đọc trơn chữ có thanh khác.

- Việc đọc ngay từ đầu phải đi qua 4 mức độ âm thanh: To, nhỏ, nhẩm, thầm.

- Mỗi việc làm sau đều sử dụng sản phẩm của việc làm trước, bằng CÁCH đó mà ôn tập, củng cố, kiểm tra, đánh giá những việc đã làm. Ví dụ :Muốn đánh vần chữ “huyến”, trước hết phải đánh vần chữ “huyên” rồi sau đó thêm vào dấu sắc ( / huyên / - / sắc/ - /huyến/). CÁCH làm này huấn luyện cho HS tư duy theo lôgic nội tại của sự vật.

Việc 4 : Viết chính tả.

Viết chính tả là cơ hội để tổng luyện và kiểm tra, đánh giá các việc 1, việc 2, việc 3.

**Tóm lại :**

Thiết kế theo Quy trình bốn việc :

Việc 1: Chiếm lĩnh Đối tượng ( VẬT THẬT).

Việc 2: Tìm cho nó VẬT THAY THẾ.

Việc 3 : Trở về VẬT THẬT ( đọc).

Việc 4: Tổng kiểm tra cả ba việc trên, để chắc chắn có sản phẩm đích đáng, tức là có thêm giá trị mới, tạo ra năng lực mới.

4. Hình thành khái niệm Cấu trúc ngữ âm của Tiếng thì phải tạm thời tách khỏi Nghĩa.

Đối tượng của Tiếng Việt 1 CGD là Cấu trúc ngữ âm của Tiếng. CGD không dùng phương pháp Liên tưởng để dạy HS. CGD sử dụng phương pháp Hình thành khái niệm. Để hình thành khái niệm, các từ ( vật liệu) được chọn vẫn có nghĩa, nhưng trước mắt, tạm thời loại nghĩa ra để không cản trở tới việc hình thành Khái niệm Tiếng.

5. Học một biết mười.

Mỗi Mẫu được gọi là CHẤT LIỆU được hình thành trên một VẬT LIỆU. Ví dụ Mẫu có âm đầu và âm chính được hình thành trên vật liệu : “ba”.

Không được nhầm lẫn giữa Vật liệu và Chất liệu.

Tất cả có 5 mẫu ( 5 Chất liệu) : ba – oa - an – oan – iê.

Để củng cố chất liệu thì thay vật liệu :

Ví dụ, với mô hình mẫu :

|  |  |
| --- | --- |
| b | a |

HS học các âm vị còn lại, mỗi lần chỉ thay một thành phần của Mẫu.

- Thay âm b bằng các phụ âm như : /c/, /ch/, / d/, /đ/…

- Thay âm a bằng các nguyên âm khác. Gặp nguyên âm e (ê, i) thì gặp luật chính tả: Ví dụ : Âm/cờ/ đứng trước nguyên âm / e/ phải viết bằng con chữ ca/ (k). Một âm /cờ/ ghi bằng hai chữ c/k: ca / ke. Tiết nào có luật chính tả thì chú ý đến sự xuất hiện của nó.

Với CÁCH học này, Học sinh thực hiện ước mơ : Học một biết mười.Học một **Mẫu ba** thì sẽ biết thêm 35 âm vị. Cả 37 âm vị ấy có cùng CHẤT LIỆU âm vị, phần khác nhau là ghi bằng 47 chữ cái. Sau này, với **Mẫu an**, học 1

biết 150, thì 150 ấy có cùng một CHẤT LIỆU : vần có âm cuối. Sau đó còn biết thêm nhiều vần có đủ âm đệm, âm chính, âm cuối. Khi viết thì căn cứ vào âm, nhưng viết đúng chính tả có khi còn tùy thuộc vào nghĩa. Các địa phương có thể nói khác nhau ( phương ngữ ), nhưng khi viết thì phải thống nhất về chính tả. Và bộ sách Tiếng Việt 1 CGD đã thành công khi giúp học sinh phát âm theo một chuẩn, nắm chắc luật chính tả, phát triển tư duy ngôn ngữ.

6. Dùng vật liệu ngôn ngữ phản ánh cuộc đời thực.

Tiếng Việt phản ánh cuộc đời thực. Vật liệu ngôn ngữ ở đây là Từ trong cuộc sống thực, chứ không phải trong sách vở. Tiếng Việt 1 CGD đưa vào những từ có vần phù hợp với từng giai đoạn chiếm lĩnh tri thức của học sinh. Từ vựng trong Tiếng Việt 1 CGD được chọn lọc, thông dụng, không giáo điều, rất sống động và không thô tục.Trẻ vẫn gặp từ như vậy trong cuộc sống.

7. Dùng nhiều từ địa phương nhưng kì vọng thống nhất phát âm trên cả nước. Trong tài liệu tập huấn giáo viên dạy tiếng Việt GS. Hồ Ngọc Đại viết : “Mỗi tiết học là một cơ hội luyện phát âm, thì có thể làm nhòa đi phương ngữ, thống nhất phương ngữ, thống nhất ngữ âm”

Theo: Trung tâm Công nghệ giáo dục.

\* Qua việc đọc 7 nội dung về: Một số giải thích về môn Tiếng Việt lớp 1 - CGD, tôi đã hiểu được nội dung, chương trình cũng như có cái nhìn tổng quan hơn về chương trình môn Tiếng Việt lớp 1 - CGD. Và thấy được mối quan hệ của các mẫu vần để dạy HS một cách dễ hiểu nhất.

**5. Kết quả đạt được:**

- 100 % HS lớp tôi đọc, viết tốt ở các mẫu. Nhất là ở mẫu 1 các em đã nắm chắc các phụ âm, nguyên âm nhờ cách phát âm mà tôi hướng dẫn nhận diện phụ âm, nguyên âm.

- Các em thấy được rõ mối quan hệ giữa các vần, sau khi học xong 4 mẫu vần và nắm chắc luật chính tả của nguyên âm đôi nên khi viết thì viết đúng, không mắc lỗi chính tả.

- Để kiểm tra mức độ tiếp thu, nắm kiến thức của HS, sau khi áp dụng kinh nghiệm, tôi đã tiến hành ra đề khảo sát HS lớp tôi dạy, sau khi học xong các mẫu vần (cuối học kì 1). Lớp 1G sĩ số 43 - Năm học 2017 - 2018.

\* Đề bài

A.Đọc

1.HS đọc thành tiếng bài sau: (7 đ)

Quê bé

Nghỉ hè, mẹ cho Hà về quê. Sáng sáng, chị Hoa dắt Hà đi thơ thẩn quanh lũy tre ngà. Rặng tre xanh che mát cho đàn trâu đang nhẩn nha gặm cỏ. Xa xa, đàn cò trắng đang bay. Cảnh làng quê thật thanh bình.

2. Nối đúng : ( 1 đ)

1.rặng tre

a.trắng.

2.đàn cò

b. xanh.

c. gặm cỏ.

3.đàn trâu

3.Em điền chữ vào chỗ chấm ( 0.5 đ)

Xa xa …………………………… trắng đang bay.

4. Đánh dấu x vào ô trống trước mô hình tiếng đúng :( 0.5 đ)

a)

~

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| l | u | y |  |  | b) | tr | e |  |  |

5.Em đưa tiếng : “ quanh , rặng ” vào mô hình ( 1 đ).

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

B.Viết

GV đọc cho HS nghe – viết : ( 8 đ)

Rằm tháng tám, các bạn ra sân bày mâm ngũ quả. Có quả thị vàng, quả na to, có cả bánh đậu xanh.

Bài tập ( 2đ) Điền đúng mỗi chỗ chấm : 0.25 đ

- Điền vào chỗ chấm : g hay gh ( 1 đ )

…….à mái …………ế đá , bàn ……ỗ, ..……….e đò

- Điền vào chỗ chấm : c hay q ( 1 đ )

…….uanh co, , …….á cờ , ………ô giáo, …….ue tính

**\*Kết quả:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Lớp | Điểm  dưới 5 | Điểm  5 - 6 | Điểm  7 - 8 | Điểm  9 | Điểm  10 |
| 1G | 0 | 0 | 7 | 16 | 20 |

- HS đạt điểm 9; 10 cao,chiếm 83.7 % . HS không những đọc, viết tốt mà còn

nắm chắc luật chính tả để viết được đúng các chữ trong bài viết. Làm đúng bài tập chính tả.

- Về phần đọc : HS đọc tốt nội dung bài đọc : “Quê bé ”, bước đầu đã hiểu

được nội dung bài đọc để nối đúng: rặng tre xanh, đàn cò trắng, đàn trâu gặm cỏ. Điền đúng từ vào chỗ chấm đúng với nội dung bài. Nhận diện đúng âm ở trong mỗi mô hình. Đưa đúng tiếng vào mô hình.

**KẾT LUẬN**

**1.Kết luận**

Để dạy tốt môn Tiếng Việt Công nghệ lớp 1, giáo viên cần làm tốt quy trình 4 việc và vận dụng phù hợp các hình thức tổ chức dạy học trong từng tiết học một cách hiệu quả nhất.

- Cần cho HS nắm chắc các bài học về phần âm, nên bước đầu GV cung cấp cho HS các kĩ năng: Làm quen với môi trường học tập, với thầy cô, bạn bè, biết sử dụng các đồ dùng học tập, biết nhận nhiệm vụ và hoàn thành nhiệm vụ một cách nhanh nhẹn…

- Về kiến thức : Các em phải nắm chắc: Tiếng có thanh ngang gồm 2 phần (phần đầu và phần vần), phân tích tiếng có dấu thanh thành tiếng thanh ngang và dấu thanh. Biết vẽ mô hình các phần của tiếng, nhận biết nguyên âm, phụ âm, biết tạo ra các tiếng mới bằng cách thay phụ âm đầu hoặc các dấu thanh trong Tiếng Việt, biết nghe đọc và viết đúng các tiếng đã đã học.

GV cần phát âm chuẩn để HS đọc đúng các âm, vần. Đưa ra cách để HS phát âm và nhận diện được âm đó là nguyên âm, hay phụ âm ngay từ bài lập mẫu : ba. Từ đó HS cứ phát âm các âm là biết ngay âm đó là phụ âm hay nguyên âm.Ở mỗi mẫu, bài lập mẫu GV cần dạy chậm, kĩ và chắc từng việc. Đến những bài sau dùng mẫu HS đã hiểu và chỉ việc thay âm để được vần mới, tiếng mới.

- GV cần quan sát để phát hiện HS phát âm sai: nói rõ nguyên nhân phát âm sai bằng cách chỉ ra cách sử dụng các bộ phận phát âm không đúng của em đó. Sau đó, GV mô tả cách phát âm, như: Nêu rõ vị trí đặt lưỡi, vị trí của lưỡi với răng, độ mở của môi…

- GV luôn yêu cầu HS thực hành và rèn luyện kĩ năng đọc, viết, lưu ý trang bị cho HS kiến thức từ thấp đến cao.

\* **Bài học kinh nghiệm**.

- Giáo viên cần nắm chắc kiến thức về ngữ âm trong môn Tiếng Việt - CGD và thực hiện tốt theo quy trình 4 việc.

- Nắm chắc phương pháp dạy trong môn Tiếng Việt CGD, chú ý những bài lập mẫu.

- Cho HS thấy rõ mối quan hệ giữa các vần để các em tự đưa ra cách đọc, viết giữa các vần.

Trên đây là kinh nghiệm của tôi khi dạy cho HS lớp 1 phần đọc, viết ở các mẫu trong môn Tiếng Việt công nghệ. Tôi rất mong được đồng nghiệp tham khảo, góp ý kiến để từng bước nâng dần chất lượng dạy học môn Tiếng Việt nói riêng và chất lượng dạy học nói chung.

**2.Khuyến nghị**

Trong quá trình nghiên cứu, bằng chút kinh nghiệm của bản thân tôi nhận thấy nội dung phần đọc viết ở các mẫu cho HS lớp 1 rất quan trọng. Để việc học tập phần này của HS được hiệu quả, tôi mong muốn cấp trên tổ chức cho GV giao lưu học hỏi kinh nghiệm của đồng nghiệp.

Bản thân tôi sau khi hoàn thành đề tài này rất mong được sự đóng góp ý kiến của các bạn đồng nghiệp, tổ chuyên môn, Ban giám hiệu nhà trường và cấp trên.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

PHỤ LỤC

\*Ví dụ minh hoạ tiết dùng mẫu.

Tuần 3 (tiết 5, 6)

**Các hoạt động dạy học chủ yếu**

|  |  |
| --- | --- |
| 1.Việc 1. Chiếm lĩnh ngữ âm  1.1. Giới thiệu âm mới  - GV phát âm tiếng mẫu: / đa /  - Yêu cầu HS phát âm lại :  - Phân tích tiếng : / đa /.  - Tiếng / đa / có phần đầu là âm gì ? Phần vần là âm gì?  - Âm nào đã học, âm nào chưa học ?  - GV phát âm mẫu : / đ /  - Cho HS phát âm kéo dài .  - Khi phát âm / đ / nếu kéo dài ta nghe thành gì ?  - Khi phát âm âm / đ/ luồng hơi bị cản hay luồng hơi đi ra tự do ?  - Vậy âm / đ / là nguyên âm hay phụ âm?  - Yêu cầu HS vẽ mô hình 2 phần tiếng / đa / vào bảng con.  - GV vẽ trên bảng lớp. Yêu cầu viết chữ a đã biết vào mô hình.  2. Học viết chữ ghi âm / đ /.  - Giới thiệu chữ “đ” in thường : GV mô tả: Giống như chữ d, chỉ thêm dấu: đ.  - Hướng dẫn viết chữ đ viết thường:  + GV đưa chữ mẫu.  + GV viết mẫu và hướng dẫn viết chữ đ : Viết qua 3 điểm tọa độ : một nét cong kín,nét móc ngược ( phải), thêm nét gạch ngang ở trên.  - Nhận xét, sửa chữa những điểm viết chưa chính xác, khen những HS viết đúng.  - Yêu cầu : Em đưa tiếng / đa / vào mô hình.  - Thay âm đầu /đ/ bằng các phụ âm đã học.  - Thêm thanh vào tiếng / đa / để tạo tiếng mới. Chú ý viết dấu thanh trên âm chính.  - GV đọc : “đá”  - Hướng dẫn HS viết từng dòng vào vở tập viết.  - GV quan sát, kiểm soát quá trình viết của HS, chỉnh sửa lỗi và nhận xét.  3.Việc 3 : Đọc  3a. Đọc trên bảng lớp.  3b. Đọc trong sách giáo khoa.  ( Đọc từ trên xuống, từ trái sang phải)  \* Chú ý: sử dụng nhiều hình thức đọc : nhóm, cá nhân, cả lớp, các mức độ đọc ( T – N – N – T).  4.Việc 4 : Viết chính tả.  4a. Viết bảng con.  - GV đọc cho HS viết vào bảng con từng tiếng : dạ, đá, bà.  - Hướng dẫn HS viết dấu chấm hỏi (?)  4b. Viết chính tả.  Yêu cầu HS viết vào vở chính tả :  - đá à ?  - dạ, đá, bà ạ !  GV thực hiện đúng theo quy trình mẫu :  + Bước 1: Phát âm lại ( đồng thanh).  + Bước 2: Phân tích ( bằng thao tác tay).  + Bước 3: Viết.  + Bước 4 : Đọc lại.  \* Nhận xét bài viết. | - HS : / đa / ( đồng thanh, nhóm, cá nhân (CN).  - đa - / đờ / - / a/ - / đa/ ( CN, đồng thanh ( ĐT).  - Phần đầu là âm /đ/.  phần vần là âm /a /  - Âm / a/ đã học, âm / đ / chưa học.  - HS lần lượt phát âm ( CN, ĐT).  - HS quay mặt vào nhau, phát âm : đ  …nếu kéo dài nghe thành “ờ”  - HS : Luồng hơi đi ra bị cản.  - HS : / đ / là nguyên âm (ĐT, CN)  - HS vẽ mô hình, đọc phân tích.  - HS đưa phần vần a vào mô hình.  - HS quan sát.  - HS quan sát và nêu độ cao, độ rộng của chữ đ, gồm những nét nào.  - HS tập viết chữ đ vào bảng con.  - HS thực hiện.  - HS : da, cha, ca, ba.  - HS: đà, đá, đả, đã, đạ.  - HS đọc phân tích các tiếng trên.  - HS viết bảng con : đá.  - HS viết vào vở tập viết.  - HS luyện đọc trên bảng lớp.  - HS luyện đọc trong sách giáo khoa.  - HS thực hành viết vào bảng con.  - HS tập viết dấu (?) vào bảng con.  - HS thực hiện nghe – viết theo quy trình mẫu. |